

Bản án số: 99/2020/HS-ST

Ngày 12 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy

2. Bà Tô Thị Bích Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2020/TLST - HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐ – HSST ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Ngô Văn H, sinh ngày 13/7/1996 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu P, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Quốc V và bà Nguyễn Thị O; Có vợ là Đào Mỹ L (đã ly hôn năm 2019) và có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 09/7/2020, bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020, bị tạm giam từ ngày 15/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2/ Bùi Thị L, tên gọi khác: Li, sinh ngày 21/3/1983 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phi L (đã chết) và bà Đỗ Thị T; Có chồng là Nguyễn Hồng T (đã ly hôn năm 2010) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án: Ngày 25/9/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 05 năm về tội “ Mối giới mại dâm”. Ngày 30/5/2019, đã chấp hành xong phần dân sự của bản án; Tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 12/7/2020, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi). Có mặt.

3/ Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 23/9/1994 tại huyện X, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành Đ và bà Lương Thị C; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo tự thú ngày 07/5/2020, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020, bị tạm giam từ ngày 16/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Lan H; sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu trọ K, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1965; Nơi cư trú: Khu Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị Đồng Thị Kim C; sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khu T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Đức K; sinh năm 1996; Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ 9A, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4/ Chị Trần Thị H; sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 10, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, Công an thị xã Đ tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke Dsquared 2 – KTV, thuộc khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình kiểm tra phát hiện thu giữ bên trong ngăn tủ đựng đồ cá nhân của Nguyễn Tuấn D đặt tại chân cầu thang tầng 1 của quán 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (07 x 04) cm bên trong có 05 (năm) viên nén màu tím; 02 (hai) túi nilon màu trắng có kích thước lần lượt là (2,5 x 03) cm và (1,5 x 02) cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu trắng bên trong có 03 (ba) viên nén màu cam và 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (2,5 x 03)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (06 x 09)cm bên trong chứa chất bột màu cam dạng cục và 01 (một) bọc giấy màu trắng bên trong chứa 02 (hai) viên nén màu cam.

Tại Bản kết luận giám định số 440/KLGD ngày 14/5/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: 05 (năm) viên nén màu tím; 03 (ba) viên nén màu cam; 01 (một) túi nilon bên trong có chất bột màu cam dạng cục và 02 (hai) viên nén màu cam gửi giám định (ký hiệu M1, M4, M6, M7) là ma túy, loại MDMA có tổng khối lượng 4,456 gam (bốn phẩy bốn năm sáu gam); 02 (hai) túi nilon đều có kích thước (2,5 x 3) cm; 01 (một) túi nilon kích thước (1,5 x 02) cm bên trong các túi đều chứa chất tinh thể màu trắng gửi giám định (ký hiệu M2, M5 và M3) là ma túy, loại Ketamine có tổng khối lượng 1,739 gam (một phẩy bảy ba chín gam).

(MDMA nằm trong danh mục IB, STT: 27; Ketamine nằm trong danh mục III, STT: 35; Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất).

Quá trình điều tra xác định: Bản thân D là nhân viên kỹ thuật âm thanh, ánh sáng tại quán Karaoke Dsquared 2 – KTV, trong thời gian làm việc, D được một số khách đến hát và nghe nhạc có nhu cầu sử dụng ma túy và đặt vấn đề nhờ Dương mua hộ ma túy để sử dụng nên D đã nảy sinh ý định mua ma túy về bán cho khách khi có nhu cầu sử dụng. Do biết Ngô Văn H (*thường gọi là H L*) bán ma túy nên D đã gặp và thỏa thuận với H để hỏi mua ma túy thì được đồng ý. H và D thống nhất giá bán và cách thức giao dịch như sau: H sẽ bán cho D 01 (một) viên thuốc lắc với giá 350.000đ/01 (một) viên và 900.000đ/01 (một) túi ma túy Ketamine. Việc giao nhận ma túy tại khu vực chân cầu thang bộ tầng một của quán Karaoke Dsquared 2 – KTV và khi bán hết số ma túy thì D sẽ thanh toán tiền cho H như giá đã thỏa thuận từ trước. Khoảng 23 giờ ngày 06/5/2020, D lên phòng hát Vip 6688 để bật thiết bị âm thanh, ánh sáng cho một nhóm khách khoảng 10 (mười) người (gồm cả nam và nữ) thì 01 (một) người thanh niên (*D không quen biết*) hỏi mua 01 (một) túi muối, (*D hiểu muối là ma túy Ketamine*). D đồng ý và đi xuống tầng một của quán gọi điện cho H bảo “*Có khách lấy đồ*” và được H đồng ý. Sau đó D đứng đợi tại chân cầu thang bộ tầng một của quán. Khi nhận được điện thoại của D, H cầm 11 (mười một) viên thuốc lắc và 04 (bốn) túi ma túy Ketamine mang đến quán Karaoke Dsquared 2 – KTV. Khi gặp D tại chân cầu thang bộ tầng một, H đưa toàn bộ số ma túy (thuốc lắc và ma túy Ketamine) cho D còn H đi lên tầng trên của quán. Khi có ma túy, D lấy 01 (một) túi nilon ma túy Ketamine cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc, số ma túy còn lại D không đếm cụ thể rồi đem cất giấu vào trong ngăn tủ đựng đồ cá nhân của D đặt tại chân cầu thang bộ tầng một khóa lại, rồi đi lên phòng hát Vip 6688 để bán 01 (một) túi nilon ma túy Ketamine với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) cho một nam thanh niên rồi đi xuống sảnh tầng 1 của quán ngồi chơi. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, khi Công an thị xã Đ tiến hành kiểm tra hành chính các phòng hát tại quán Karaoke Dsquared 2 – KTV. Biết hành vi của mình không thể che dấu nên D đã tự thú và tự nguyện giao nộp toàn bộ số ma túy được cất giấu trong ngăn tủ cho Cơ quan công an.

Đối với Ngô Văn H lợi dụng lúc Công an kiểm tra, H đã đi lên tầng 6 của quán và chui vào trong téc nước để lẩn trốn. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Công an thị xã Đ kết thúc việc kiểm tra ra về thì H đi xuống tầng một của quán rồi đi về nhà nghỉ M N, sau đó bỏ trốn. Đến ngày 09/7/2020, H bị bắt giữ tại phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Trước đó khoảng tháng 12 năm 2019, Ngô Văn H đã cùng với Bùi Thị L (tên gọi khác: Li) bán ma túy cho Nguyễn Văn T, trú tại: tổ 9A, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau: L và H thường xuyên sử dụng ma túy cùng nhau, nên L và H bàn bạc, H sẽ bán ma túy thuê cho L khi có khách hỏi mua, đồng thời sẽ nhận được 10% (*mười phần trăm*) số tiền khi bán được ma túy. Cụ thể cách thức lấy ma túy giữa L, H thống nhất là khi có người hỏi mua ma túy, H liên lạc với L để báo lượng ma túy cần mua, sau đó L sẽ mang ma túy ra để tại gốc cây xoài trước cửa quán Cafe P L (*do L làm chủ ở khu V, phường M, thị xã Đ*) rồi H trực tiếp đến lấy và đem đi bán cho khách. Khoảng thời gian cuối tháng 12 năm 2019 (không nhớ ngày), H nhận được điện thoại của T gọi đến bảo H bán cho 01 (một) túi ma túy loại Ketamine và thỏa thuận địa điểm giao dịch mua bán là khu vực nội thất B M thuộc khu H, phường M thì Hà đồng ý, ngay sau đó H liên lạc với L, do đã thống nhất với nhau từ trước, nên L cầm 01 (một) gói ma túy loại Ketamine ra để dưới gốc cây xoài. Sau đó H đến lấy mang đi bán cho T với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Ngày hôm sau, H đưa lại số tiền trên cho L thì L đưa lại cho H 100.000 đ (*một trăm nghìn đồng*). Do biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát giác, nên ngày 12/7/2020, Bùi Thị L ra đầu thú tại Cơ quan cảnh sát điều tra và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra, Ngô Văn H, Bùi Thị L và Nguyễn Tuấn D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về nguồn gốc số ma túy bán cho D vào ngày 06/5/2020, H khai mua của một người đàn ông (*không rõ lai lịch và địa chỉ*) tại khu vực chợ Sắt, thành phố Hải Phòng với giá 6.200.000đ (*sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) vào thời gian cuối tháng 4 năm 2020. Khi mua được ma túy, H đem về nhà nghỉ M N cất giấu, riêng số ma túy Ketamine, H chia thành 10 (mười) túi nhỏ, đến thời điểm bán cho D, H đã sử dụng hết 06 (sáu) túi Ketamine.

Nguồn gốc số ma túy bán cho T, L khai mua của một người đàn ông (*không rõ lai lịch và địa chỉ*) tại khu vực cầu Quay, thành phố Hải Phòng với giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) vào khoảng đầu tháng 12 năm 2019, mục đích vừa để bán và sử dụng cho bản thân.

Bản Cáo trạng số 96/CT – VKS - ĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Ngô Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Bùi Thị L (tên gọi khác: Li) và Nguyễn Tuấn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: Vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính:

1/ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 09/7/2020).

2/ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị L (tên gọi khác: Li) từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 49/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Thị L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án từ 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3/ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn D từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 07/5/2020).

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Ngô Văn H từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ; bị cáo Nguyễn Tuấn D từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thị L.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh thu của bị cáo D; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) mà bị cáo L có được do phạm tội mà có; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) mà bị cáo H đã tác động gia đình tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ ngày 27/10/2020 do bị cáo phạm tội mà có; Tạm giữ số tiền 7.450.000đ gia đình bị cáo H tự nguyện nộp trong quá trình chuẩn bị xét xử để khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung của bị cáo; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) mà bị cáo D có được do phạm tội mà có. Trả lại cho bị cáo D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyJ2 Prime màu vàng; 01 ví giả da màu đen; 01 Thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Tuấn D; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tuấn D; 01 Căn cước công dân mang tên

Nguyễn Tuấn D; Số tiền 6.566.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về hành vi của các bị cáo theo tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ đã truy tố:

** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn D đều khai nhận:*

Bị cáo là nhân viên của quán Karaoke DSquared 2 – KTV từ cuối tháng 11 năm 2019, nhiệm vụ chính là phụ trách kỹ thuật, âm thanh, chỉnh ánh sáng, đôi lúc có đánh nhạc DJ cho các phòng trong quán, thời gian làm việc tại quán bắt đầu từ 19 giờ hàng ngày.

Vào khoảng 23 giờ ngày 06/5/2020, bị cáo bật máy hát tại phòng 6688 của quán, khi vào phòng hát có khoảng hơn 10 người gồm cả nam và nữ, trong đó có 01 nam thanh niên đặt vấn đề mua ma túy. Bị cáo đã đi xuống tầng 1 của quán gọi điện cho H nói có khách cần mua ma túy, khoảng 10 phút sau H đi bộ từ cửa sau của quán vào chân cầu thang bộ tầng 1 đưa cho bị cáo 01 túi nilon bên trong có 11 viên thuốc lắc và 04 túi Ketamine. Bị cáo đã lấy 01 túi Ketamine đút vào túi quần, số còn lại cất giấu trong tủ đồ cá nhân rồi đi lên phòng 6688 đưa cho khách, người đó đưa lại cho bị cáo 1.000.000đ, bị cáo cất vào ví cá nhân của mình. Do trước đó bị cáo và H đã thỏa thuận về việc khi có khách hỏi mua ma túy, bị cáo sẽ gọi điện thoại cho H, thỏa thuận về địa điểm giao hàng và giá cả như sau: Giao hàng tại chân cầu thang bộ tầng 1 của quán vì ở đó không có Camera; Về giá cả, 01 viên thuốc lắc có giá 350.000đ, 01 túi Ketamine có giá 900.000đ. Sau khi bán hết số ma túy bị cáo sẽ thanh toán bằng tiền mặt cho H. Vì vậy, vào ngày 06/5/2020, H đưa ma túy cho bị cáo thì bị cáo chưa thanh toán tiền cho H.

Khi lực lượng công an vào kiểm tra hành chính của quán, do biết hành vi của mình không thể che giấu nên bị cáo đã tự thú, chủ động khai báo toàn bộ nội dung sự việc và giao nộp toàn bộ tang vật của vụ án.

** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn H đều khai nhận:*

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/5/2020, bị cáo đang ở nhà nghỉ M N thuộc phường M, thị xã Đ thì nhận được điện thoại của Nguyễn Tuấn D nói có khách lấy đồ, ý muốn nói có người muốn mua ma túy. Bị cáo bảo D chờ một tí, khoảng 10 phút sau bị cáo một mình đi đến quán Karaoke DSquared 2 – KTV. Tại chân cầu thang bộ tầng 1 của quán, bị cáo đưa cho D 01 túi nilon bên trong có 11 viên thuốc lắc và 04 túi Ketamine có kích thước khác nhau. Sau đó bị cáo đi loanh quanh khu vực hành lang các tầng của quán chơi, còn việc D giao dịch bán ma túy cho ai, bị cáo không quan tâm.

Bị cáo và D trước đó có thỏa thuận với nhau về địa điểm giao hàng và giá cả như sau: Giao hàng tại chân cầu thang bộ tầng 1 của quán vì ở đó không có Camera; Về giá cả, 01 viên thuốc lắc có giá 350.000đ, 01 túi Ketamine có giá 900.000đ, còn việc D bán được bao nhiêu thì bị cáo không biết. Sau khi bán hết số ma túy bị cáo giao thì D sẽ thanh toán cho bị cáo bằng tiền mặt.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, khi bị cáo đang đứng ở hành lang tầng 4 của quán thì nghe thấy có lực lượng công an vào kiểm tra hành chính của quán. Do lo sợ bị phát hiện nên bị cáo đã chạy theo lối cầu thang bộ của quán lên tầng 6, trèo lên trần và chui vào két nước trốn. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi lực lượng công an làm việc xong bị cáo trèo ra khỏi két nước, đi theo lối cầu thang bộ xuống tầng 1 rồi ra cửa chính bắt taxi về nhà nghỉ M N. Sau đó bị cáo bỏ trốn đến thành phố Thái Nguyên, đến ngày 09/7/2020, bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp tại Chung cư Tecco Tower Thái Nguyên thuộc phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Về nguồn gốc số ma túy mà bị cáo bán cho D vào ngày 06/5/2020, bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết ở Hải Phòng vào cuối tháng 4 năm 2020 với giá 6.200.000đ, trong đó 2.200.000đ tiền thuốc lắc và 4.000.000đ tiền Ketamine. Sau khi mua được số ma túy trên bị cáo đem về nhà nghỉ M N kiểm tra bên trong có 11 viên thuốc lắc và chia nhỏ được 10 gói Ketamine. Bị cáo đã sử dụng hết 06 gói Ketamine, còn lại 04 gói đem bán cho D cùng với 11 viên thuốc lắc.

Ngoài ra, vào ngày nào bị cáo không nhớ của tháng 12 năm 2019, bị cáo đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T 01 túi Ketamine với giá 1.000.000đ. Nguồn gốc gói Ketamine là do bị cáo bán ma túy thuê cho Bùi Thị L (tên gọi khác: L) để được nhận tiền công là 100.000đ.

** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị L đều khai nhận:*

Bị cáo và Ngô Văn H là bạn bè xã hội, thỉnh thoảng có sử dụng ma túy cùng nhau. Khoảng tháng 12 năm 2019, bị cáo và H có nói chuyện và thống nhất nội dung: H sẽ bán ma túy thuê cho bị cáo, cụ thể, bị cáo sẽ là người đi mua ma túy,

sau đó sẽ chia thành những gói nhỏ vừa để sử dụng cho bản thân, vừa để bán kiếm lời. Khi có khách hỏi mua thì H sẽ là người liên lạc với bị cáo nói rõ số lượng khách cần, sau đó bị cáo sẽ để ma túy ở gốc cây Xoài, trước cửa quán Cà phê Phương Liên (quán của bị cáo). H sẽ là người giao dịch trực tiếp với khách và mang tiền về đưa cho bị cáo thì bị cáo sẽ trả công cho H bằng 10% số tiền bán ma túy.

Vào ngày nào bị cáo không nhớ của tháng 12 năm 2019, khi bị cáo đang ở nhà tại khu V, phường M, thị xã Đ, bị cáo nhận được điện thoại của H, nói có khách muốn mua 01 túi ma túy loại Ketamine, bị cáo bảo H đến lấy ma túy như chỗ đã thống nhất, còn việc H bán ma túy cho ai, ở đâu thì bị cáo không quan tâm. Sau đó H mang về đưa cho bị cáo 1.000.000đ, bị cáo đưa lại cho H 100.000đ tiền công như đã thỏa thuận.

Về nguồn gốc số ma túy trên do bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết ở Hải Phòng vào đầu tháng 12 năm 2019 với giá 2.000.000đ được 01 túi ma túy Ketamine, bị cáo mang về chia nhỏ thành 03 túi, bị cáo đã sử dụng hết 02 túi, còn 01 túi đưa cho H đem bán. Do bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã chủ động đến cơ quan Công an đầu thú, khai báo toàn bộ nội dung sự việc và tự nguyện nộp lại số tiền 900.000đ.

Bà Nguyễn Thị P có lời khai thể hiện: Bà là nhân viên tạp vụ, quét dọn tại quán Karaoke DSquared 2 – KTV. Vào khoảng 01 giờ ngày 07/5/2020, khi bà đang làm việc ở tầng 2 của quán thì thấy lực lượng công an đến kiểm tra hành chính của quán, bà được yêu cầu xuống tầng 1 lễ tân của quán. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày bà được chứng kiến 01 nam thanh niên khai tên Nguyễn Tuấn Dương đã mở tủ đồ cá nhân được đặt ở tầng 1 của quán giao nộp cho Công an: 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (07 x 04) cm bên trong có 05 (năm) viên nén màu tím; 02 (hai) túi nilon màu trắng có kích thước lần lượt là (2,5 x 03) cm và (1,5 x 02) cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu trắng bên trong có 03 (ba) viên nén màu cam và 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (2,5 x 03)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (06 x 09)cm bên trong chứa chất bột màu cam dạng cục và 01 (một) bọc giấy màu trắng bên trong chứa 02 (hai) viên nén màu cam, ngoài ra còn có ví đựng tiền của D. D khai nhận toàn bộ vật dụng và tài sản trong ngăn tủ trên là của D. Sau đó cơ quan Công an đã ghi nhận lại toàn bộ sự việc và lấy lời khai của những người có liên quan.

Anh Nguyễn Đức K và chị Đồng Thị Kim C đều có lời khai thể hiện: Anh K và chị C là nhân viên làm cùng với Nguyễn Tuấn D tại quán Karaoke DSquared 2 – KTV. Trong quá trình làm việc D có nói: nếu có ai mua ma túy thì giới thiệu cho D. Kể từ lúc D nói cho đến ngày 06/5/2020, anh K cho biết không có ai hỏi anh về vấn đề này, còn chị C cho biết có hai lần khách hỏi nhưng lúc đó D cũng đứng ở đó nên D đã làm việc trực tiếp với khách, việc D giao dịch như thế nào thì chị không

nắm được. Anh K và chị C có nhìn thấy D bán ma túy cho khách, giao dịch ở chân cầu thang bộ tầng 1, nơi không có Camera và có biết việc D lấy ma túy từ H để bán lại cho khách. D thường sử dụng 01 tủ đồ cá nhân ở tầng 1 của quán để cất đồ đạc, không ai sử dụng cùng D.

Anh Nguyễn Văn T có lời khai thể hiện: Anh là người nghiện chất ma túy, loại ma túy anh thường sử dụng là Ketamine. Vào một ngày của tháng 12 năm 2019, anh có gọi điện cho Ngô Văn H, đặt vấn đề mua một gói Ketamine với giá 1.000.000đ và bảo H mang đến gần nơi anh ở tại dãy tập thể Trung tâm mua sắm nội thất Bình Minh thuộc khu H, phường M, thị xã Đ. Sau khi mua được ma túy của H, anh đem đến nhà nghỉ sử dụng một mình hết.

Chị Nguyễn Lan H có lời khai thể hiện: Chị là vợ chưa cưới của bị cáo Ngô Văn H, trong quá trình thăm gặp bị cáo H tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ, bị cáo H có nói cho chị biết và nhờ chị nộp lại số tiền thu lời bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy và nộp một khoản tiền khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo H đã gây ra. Ngày 21/10/2020, chị đã tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính 100.000đ (một trăm nghìn đồng), ngày 11/11/2020 chị tiếp tục tự nguyện nộp số tiền khắc phục hậu quả 7.450.000đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Tại phiên tòa, chị H cho biết chị nộp số tiền 7.450.000đ cho bị cáo H là hoàn toàn tự nguyện để khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật bị cáo H đã gây ra, chị không đề nghị trả lại cho chị số tiền trên, tự nguyện cho bị cáo H để bị cáo H thực hiện việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với: Các biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh xác định hiện trường; Lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 440/KLGĐ ngày 14/5/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: 05 (năm) viên nén màu tím; 03 (ba) viên nén màu cam; 01 (một) túi nilon bên trong có chất bột màu cam dạng cục và 02 (hai) viên nén màu cam gửi giám định (ký hiệu M1, M4, M6, M7) là ma túy, loại MDMA có tổng khối lượng 4,456 gam (bốn phẩy bốn năm sáu gam); 02 (hai) túi nilon đều có kích thước (2,5 x 3) cm; 01 (một) túi nilon kích thước (1,5 x 02) cm bên trong các túi đều chứa chất tinh thể màu trắng gửi giám định (ký hiệu M2, M5 và M3) là ma túy, loại Ketamine có tổng khối lượng 1,739 gam (một phẩy bảy ba chín gam).

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/5/2020, tại quán Karaoke DSquared 2 – KTV thuộc khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, Ngô Văn H có hành vi bán trái phép 4,456g (Bốn phẩy bốn năm sáu gam) ma túy, loại MDMA và 1,739g (Một phẩy bảy ba chín gam) ma túy, loại Ketamine cho Nguyễn Tuấn D với giá 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó D đã bán 01 (một) túi ma túy loại Ketamine cho một thanh

niên không quen biết tại phòng hát Vip 6688 với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), số ma túy còn lại D tàng trữ nhằm mục đích bán trái phép, khi bị lực lượng công an kiểm tra, lo sợ bị phát hiện nên D đã tự thú, chủ động giao nộp toàn bộ tang vật và khai báo toàn bộ nội dung sự việc. Trước đó, khoảng cuối tháng 12 năm 2019 (không rõ ngày), Bùi Thị L và Ngô Văn H có hành vi bán trái phép 01 (một) gói ma túy, loại Ketamine với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho Nguyễn Văn Thực tại khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh để T sử dụng. Hành vi của bị cáo Ngô Văn H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Bùi Thị L, Nguyễn Tuấn D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Bản cáo trạng số 96/CT – VKS - ĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ thực hành quyền công tố và luận tội tại phiên tòa là có đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo Ngô Văn H, Bùi Thị L, Nguyễn Tuấn D là nguy hiểm, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và các chất gây nghiện, làm mất trật tự, an toàn xã hội. Chất ma túy gây nguy hại đến sức khỏe con người, ma túy cũng là mầm mống phát sinh các loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác, tạo nên nhiều bức xúc trong quần chúng nhân dân. Trong những năm qua Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm đấu tranh, ngăn chặn đối với các tội phạm về ma túy; nhiều cuộc vận động, tuyên truyền về tác hại của ma túy đã được tổ chức; rất nhiều tội phạm về ma túy đã bị pháp luật trừng trị, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại có hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lợi, do vậy cần phải bị xử lý thật nghiêm trước pháp luật.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn và có sự độc lập giữa các nhóm bị cáo:

- Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Tuấn D, xét thấy: Hà và D là mối quan hệ làm ăn, mua đi bán lại để hưởng tiền chênh lệch, trong đó bị cáo H là người cung cấp nguồn ma túy để bị cáo D bán lại cho người mua nên H và D có vị trí, vai trò ngang nhau.

- Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Bùi Thị L, Ngô Văn H, xét thấy: Bị cáo L là người thuê bị cáo H bán ma túy, là người cung cấp nguồn ma túy cho H để H bán cho đối tượng nghiện ma túy và là người trực tiếp thanh toán tiền công nên bị cáo L có vai trò chính.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Ngô Văn H, Bùi Thị L, Nguyễn Tuấn D quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn D khi biết hành vi mua bán trái chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật mặc dù chưa bị cơ quan chức năng phát hiện nhưng đã tự thú, chủ động

giao nộp toàn bộ tang vật và khai báo toàn bộ nội dung sự việc nên bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ “ Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Ngô Văn H, trong các ngày 27/10/2020 và 11/11/2020 bị cáo cũng đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền 100.000đ do phạm tội mà có và số tiền 7.450.000đ để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật đã gây ra tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Bùi Thị L khi biết hành vi mua bán trái chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật cũng đã tự nguyện ra đầu thú, khai báo toàn bộ nội dung sự việc và nộp lại 900.000đ tiền do phạm tội mà có nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Tuấn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Riêng bị cáo Bùi Thị L phải chịu tình tiết tăng nặng “ Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét vai trò và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Ngô Văn H, thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự để bị cáo H thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự nhà nước ta.

Tuy nhiên xét nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Ngô Văn H, Bùi Thị L, Nguyễn Tuấn D ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Riêng bị cáo Bùi Thị L phạm tội mới trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Lý phải chấp hành hình phạt của Bản án số 49/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (mức hình phạt 03 (ba) năm tù) và tổng hợp với hình phạt của Bản án này theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Ngoài hình phạt chính, cần căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự phạt các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Tuấn D một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước bởi bị cáo H và bị cáo D đều có mục đích thu lời từ việc bán ma túy. Đối với bị cáo Bùi Thị L là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lý.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Một phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, xét thấy là vật có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh thu của bị cáo D, quá trình điều tra xác định D đã sử dụng điện thoại trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) mà bị cáo L tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra, đây là số tiền do bị cáo L phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) mà bị cáo H đã tác động gia đình, tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ ngày 27/10/2020, đây là số tiền do bị cáo H phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) mà bị cáo H đã tác động gia đình, tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ ngày 27/10/2020, đây là số tiền do bị cáo H phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 7.450.000đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo H đã tác động gia đình tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ ngày 11/11/2020, đây là số tiền gia đình bị cáo H nộp để khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật bị cáo H đã gây ra. Mặt khác gia đình bị cáo H đề nghị không nhận lại số tiền trên, tự nguyện cho bị cáo H để bị cáo H thực hiện việc thi hành án theo quy định của pháp luật nên cần trả lại cho bị cáo H nhưng được tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án mà bị cáo H phải thực hiện.

- Đối với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong tổng số tiền 7.566.000đ được bị cáo D giao nộp, đây là số tiền bị cáo D bán ma túy cho khách, do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyJ2 Prime màu vàng; 01 ví giả da màu đen; 01 Thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Tuấn D; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tuấn D; 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn D; Số tiền 6.566.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) trong tổng số tiền 7.566.000đ được bị cáo D giao nộp không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen thu của bị cáo H, quá trình điều tra xác định H không sử dụng điện thoại trên vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo H.

[6] Về các vấn đề khác:

- Việc anh Nguyễn Văn T có hành vi mua ma túy của H và L nhằm mục đích sử dụng, hiện số ma túy này anh T đã sử dụng hết nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với anh T. Ngày 07/6/2020, T bị bắt và đang bị khởi tố, điều tra trong một vụ án khác.

- Đối với người thanh niên mua 01 (một) túi ma túy Ketamine của D vào tối ngày 06/5/2020 tại phòng hát Vip 6688 quán Karaoke DSquared 2 – KTV; những người đàn ông bán ma túy cho Ngô Văn H và Bùi Thị L theo lời khai của H và L. Quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo Ngô Văn H, Bùi Thị L, Nguyễn Tuấn D là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 09/7/2020).

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị L (tên gọi khác: Li) 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 49/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Thị L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 07/5/2020).

**Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Ngô Văn H 6.000.000đ (sáu triệu đồng); bị cáo Nguyễn Tuấn D 5.000.000đ (năm triệu đồng) nộp sung vào ngân sách nhà nước.

**Về xử lý vật chứng:* Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh thu của bị cáo D.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) (Trong đó tịch thu của bị cáo D: 1.000.000đ; bị cáo L: 900.000đ);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyJ2 Prime, màu vàng; 01 (một) ví giả da màu đen; 01 (một) Thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Tuấn D; 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tuấn D; 01 (một) Căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn D và số tiền 6.566.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Ngô Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen thu của bị cáo H.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 01 ngày 01 tháng 10 năm 2020 giữa Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) mà gia đình bị cáo H đã nộp theo biên lai thu số 0006870 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Văn H số tiền 7.450.000đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) mà gia đình bị cáo H đã nộp theo biên lai thu số 0006879 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh nhưng được tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án mà bị cáo H phải thực hiện.

* *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Ngô Văn H, Bùi Thị L, Nguyễn Tuấn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND thị xã Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu H.sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Tô Thị Thịnh

